

Số: **740** /KH-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Công văn số 3486/LĐT BXH-VPQGGN ngày 06/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2021

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành:

+ Kế hoạch số 717/KH-UBND ngày 09/12/2020 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021.

+ Kế hoạch số 626/KH-UBND ngày 07/9/2021 về tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (Ban Chỉ đạo cấp tỉnh).

+ Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã ban hành Thông báo số 57/TB-BCĐ ngày 15/9/2021 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

- Ngoài ra, UBND tỉnh Đắk Nông đã tham mưu Tỉnh ủy Đắk Nông ban hành Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 31/8/2021 về thực hiện Nghị

V. Đánh giá chung

1. Mặt đạt được

- Các cấp, các ngành đã nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của công tác giảm nghèo bền vững trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; phân công cơ quan, đơn vị, cá nhân kết nghĩa, giúp đỡ các địa phương trong xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Tỉnh Đắk Nông đã tập trung các chính sách hỗ trợ việc làm, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế giúp hộ nghèo nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống. Đây là nhân tố quan trọng để thoát nghèo bền vững. Song song đó, các chính sách còn được tập trung để hỗ trợ mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...). Kết quả thực hiện chương trình khẳng định tính ưu việt của chính sách an sinh xã hội tại tỉnh, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hạn chế

- Hiện nay, Trung ương chưa phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện. Vì vậy, trong 09 tháng đầu năm 2021, các nhiệm vụ cơ bản của năm 2021 như kiểm tra, giám sát, triển khai mô hình giảm nghèo, hoạt động truyền thông,... chưa được tiến hành triển khai thực hiện. Việc phân bổ vốn còn chậm (thời gian phân bổ vốn các năm thường vào tháng 3, riêng năm 2021 vốn Trung ương đến nay chưa phân bổ).

- Việc quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa khoa học; thông tin, dữ liệu về nhu cầu hộ nghèo một số trường hợp chưa sát thực tế, mang tính chủ quan của người khảo sát.

- Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo tại một số địa phương còn bất cập; tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy địa phương đã tập trung ưu tiên nguồn lực và chính sách giảm nghèo cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng đến cuối năm 2020 vẫn còn 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao là huyện Tuy Đức và huyện Đắk Glong.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, yếu kém

a) Nguyên nhân khách quan

- Trong thời gian qua, trước diễn biến của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến đời sống người dân, đặc biệt các hộ nghèo, đối tượng yếu thế trên địa bàn tỉnh.

- Việc xác định hộ nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều phải dựa trên tiêu chí thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sạch và vệ sinh. Do đó, nhiều hộ gia đình có điều kiện kinh tế khá nhưng lại thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản nên rơi vào diện hộ nghèo.

2. Khó khăn thách thức

- Năm 2022 là năm áp dụng theo chuẩn nghèo mới theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, do đó dự kiến quy mô và số lượng hộ nghèo, cận nghèo tăng lên nhiều; vì vậy, đòi hỏi việc tập trung nguồn lực lớn để triển khai thực hiện.

- Trước sự ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 sẽ tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, gây khó khăn trong việc tuyên truyền, vận động người dân tự vươn lên thoát nghèo.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho các xã, thôn nghèo nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 2% trở lên, trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3% trở lên, tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; Thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

- Cập nhật dữ liệu, vận hành phần mềm xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và quản lý hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội chặt chẽ.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí

1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện.

c) Nội dung: Hỗ trợ thí điểm, xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mô hình khác) để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Dự kiến kinh phí:

- Ngân sách Trung ương: 3.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 500 triệu đồng.
- Nguồn huy động: 150 triệu đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ phát triển sản xuất để bảo đảm an ninh lương thực và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho người dân tại các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) (không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo. Chú trọng thực hiện ở các địa bàn nghèo, có tiềm năng thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường, có khả năng thu hút các doanh nghiệp hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất bền vững.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác.

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

+ Tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế

+ Xây dựng mô hình nông nghiệp dinh dưỡng thực hiện Chương trình hành động quốc gia không còn nạn đói trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ (thực hiện giai đoạn 2). Nghiên cứu xây dựng thí điểm 02 mô hình cải thiện dinh dưỡng tại 02 huyện Tuy Đức, Đắk Glong trong đó, tập trung hỗ trợ các hộ công tác phát triển sản xuất, tăng thu nhập trên cơ sở tận dụng các nguồn lực sẵn có như đất đai, lao động nhằm đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng cho hộ gia đình.

- Dự kiến kinh phí: Nhu cầu vốn là 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Dự kiến kinh phí: Ngân sách Trung ương là 40.000 triệu đồng (vốn đầu tư) và 11.800 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ở các huyện nghèo; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Dự kiến kinh phí: Ngân sách Trung ương là 8.000 triệu đồng (vốn đầu tư); 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Mục tiêu: Tập trung hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Tiểu dự án này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Tiểu dự án này có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm (không bao gồm các hộ thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội).

c) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, đảm bảo sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²) và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Dự kiến kinh phí: Ngân sách Trung ương là 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu.

+ Truyền thông nâng cao nhận thức cho đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương (đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghiện ma túy và đối tượng khác) để tiếp cận, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, khơi dậy ý chí, nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong cuộc sống; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nội dung truyền thông nhằm giảm định kiến giới, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát nghèo.

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn chăm sóc dinh dưỡng. Xây dựng, cập nhật, cung cấp công cụ, tài liệu truyền thông dưới nhiều hình thức, ngôn ngữ phù hợp với các vùng, miền, dân tộc cho cơ sở y tế các cấp.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức biên soạn, in ấn và phát hành các sản phẩm thông tin, tuyên truyền về các chính sách, nội dung giảm nghèo.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Đắc Nong chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, dinh dưỡng và bình đẳng giới.

+ Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ tỉnh tới cơ sở.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở để tăng cường giải thích về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách; các hình thức sáng tạo như hội thi, trò chơi truyền hình, sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thôn, bản, xã, huyện thực hiện công tác giảm nghèo.

+ Truyền thông, nâng cao khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế; người dân tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Dự kiến kinh phí: Ngân sách Trung ương 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện kế hoạch đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

+ Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với kế hoạch đề ra.

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động của kế hoạch và cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của kế hoạch.

+ Tổ chức thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm, hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định; ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng ứng dụng phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình để chuyển giao, hỗ trợ cho các địa phương thực hiện; lập bản đồ nghèo và hỗ trợ người nghèo kết nối với thị trường. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo cập nhật, hiện đại, đồng bộ.

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, dự án (bao gồm tiểu dự án và hoạt động) giảm nghèo theo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết).

- Dự kiến kinh phí: Ngân sách Trung ương 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

IV. Giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái", khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

2. Tiếp tục thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Ngoài kinh phí từ Ngân sách Trung ương phân bổ, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và huy động đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của kế hoạch để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực, không rơi vào tình trạng nghèo đói.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện kế hoạch.

i) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên: Theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch tại các Sở, Ban, ngành và địa phương theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và bộ máy tham mưu, giúp việc thống nhất, đồng bộ theo quy định.

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện kế hoạch.

- Huyện Tuy Đức và huyện Đắk Glong chủ trì triển khai thực hiện Dự án 1.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, tổng hợp *nb*

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, KH&ĐT, TC;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, các Phòng CM, KGVX(Hp).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh



Phụ lục II
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

(kèm theo Kế hoạch số 740/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 2020	Ước thực hiện năm 2021					Dự kiến Kế hoạch năm 2022	Đơn vị thực hiện
				Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Số hộ nghèo		11.785							
	Tỷ lệ hộ nghèo	Hộ	6,98	Giảm 2%	6,98		Giảm 2%		Giảm 2%	
2	Số hộ cận nghèo	%	9.385		9.385					
	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	5,56	Giảm 2%	5,56		Giảm 2%		Giảm 2%	
3	Số hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ	8.128		8.128					
3.1	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	%	17,18	Giảm 3%	17,18		Giảm 3%		Giảm 3%	
3.2	Tỷ trọng hộ nghèo dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo	%								
4	Tổng số huyện nghèo	Huyện	2		2		2		2	
5	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo	Người	200	400	200		400		400	

Handwritten signature

Phụ lục III
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số **740** /KH-UBND ngày **27** tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

ST T	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác		
		Tổng cộng	Nguồn ĐTP	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTP	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTP	Nguồn sự nghiệp
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo									
1.1	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	170.000	120.000	50.000	18.000	18.000		900	900	
1.2	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.	0								
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.000		3.000	500		500	150		150
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	0								
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	12.000		12.000	1.800		1.800	200		200
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	2.000		2.000						
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm	62.300								
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	51.800	40.000	11.800						
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn	40.000	40.000							

nh

	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn	2.400		2.400						
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn	800		800						
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.	1.600		1.600						
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	7.000		7.000						
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	500		500						
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	10.000	8.000	2.000						
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	2.000		2.000						
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.500								
6.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1,500		1.500						
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo	1.000		1.000						
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	2.000								
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.000		1.000						
7.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá	1.000		1.000						

Phụ lục IV

**TÊN/ DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHÈO,
XÃ ĐBK K VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI CÁC TỈNH CÓ HUYỆN NGHÈO;
CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 740 /KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Địa bàn	Tên/Danh mục công trình	Đơn vị thực hiện	Vốn đầu tư (triệu đồng)		Năm thực hiện
				NSTW	NSDP	
		TỔNG SỐ				
I	Huyện nghèo					
1	Huyện Tuy Đức	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh tại huyện	UBND huyện Tuy Đức	60.000	9.000	2022
2	Huyện Đắk Glong	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh tại huyện	UBND huyện Đắk Glong	60.000	9.000	2022
III	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo, xã ĐBK K vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					
1	Huyện Tuy Đức	Đầu tư, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	UBND huyện Tuy Đức	5.000	1.500	2022
2	Huyện Đắk Glong	Đầu tư, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	UBND huyện Đắk Glong	5.000	1.500	2022
IV	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để xây dựng các cơ sở dữ liệu và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động					
1	08 huyện, thành phố	Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội	8 huyện, thành phố	8.000		2022

nk

Phụ lục V
CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VÙNG NGHÈO, VÙNG KHÓ KHĂN

(Kèm theo Kế hoạch số **740** /KH-UBND ngày **28** tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Địa bàn	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021					Dự kiến Kế hoạch năm 2022
							Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo	Triệu đồng	40.000	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong		0	0%	0%	0%	100%	40.000
2	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh có huyện nghèo	Triệu đồng	2.400	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong		0	0%	0%	0%	100%	2.400

nk

TT	Địa bàn	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021					Dự kiến Kế hoạch năm 2022
							Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)	
3	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm tại các tỉnh có huyện nghèo	Triệu đồng	800	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong		0	0%	0%	0%	100%	800
4	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo	Triệu đồng	1.600	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong		0	0%	0%	0%	100%	1.600
5	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	Triệu đồng	700	UBND huyện Tuy Đức và Đắk Glong		0	0%	0%	0%	100%	700

ak